

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 - 10 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng.

2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994; HKTT: Số T, đường N, tổ O, khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở hiện nay: Số M, tổ E, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1991; HKTT: Số T, đường N, tổ O, khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Dương trình bày:* Bà D và ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà D và ông Tr không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông Tr không quan tâm chăm sóc vợ con, hời hợt với gia đình. Từ lúc bà D mang thai đến khi sinh con thứ hai, ông Tr đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, không trợ cấp cũng như thăm nom chăm sóc con. Bà D và ông Tr đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Hiện nay, bà D nhận thấy hôn nhân giữa bà D và ông Tr không thể tiếp tục nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Bà D và ông Tr có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/5/2020. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Gia H và Bảo A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến và yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu của bà D (bản chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chứng thực); Giấy khai sinh của cháu Gia H và Bảo A (bản sao).

** Tại bản tự khai ngày 15/3/2021, biên bản hòa giải ngày 15/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông Nguyễn Văn Tr thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy D về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Tr muốn cả hai vợ chồng về sống bên nhà cha mẹ ông Tr tại địa chỉ số T, đường N, tổ O, khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bà D không đồng ý nên ông Tr bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng vì bà D không muốn về nhà ông Tr làm dâu. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông Tr không đồng ý nhưng nếu vợ chồng không thể hàn gắn, buộc phải ly hôn thì ông Tr muốn được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 29/5/2017 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con; Về nợ chung, về tài sản chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiếp tục tổng đạt các Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Tr, nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Nguyễn Văn Tr.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Tr kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 08/5/2017 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà D yêu cầu ly hôn là do ông Tr không quan tâm chăm sóc vợ con, hời hợt với gia đình. Từ lúc bà D mang thai đến khi sinh con thứ hai, ông Tr đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, không trợ cấp cũng như đến thăm hỏi và cùng bà D chăm sóc, nuôi dạy con cái. Bà D và ông Tr đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng bà D và ông Tr thì địa phương không rõ, vì vợ chồng bà D và ông Tr không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, thực tế bà D và ông Tr đã sống ly thân, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, để đạt được mục đích này, vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt, cùng nhau chăm sóc con cái. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn Tr tuy không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà D nhưng ông Tr lại không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, không đến thăm hỏi chăm sóc con chung cùng với bà D. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Tr nhiều lần để hòa giải, làm việc nhưng ông Tr không chấp hành, vắng mặt không có lý do. Xét mâu thuẫn giữa bà D và ông Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông Trọng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông Tr có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/5/2020. Nhận thấy, cả hai con chung hiện đang sống cùng với bà D, một mình bà D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H và Bảo A. Về phía ông Tr yêu cầu được nuôi con chung cháu Gia H nhưng ông không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử nên việc giao cháu Gia H và Bảo A cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 29/5/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/5/2020 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Văn Tr lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Thùy D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn Tr.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0051161 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm